



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/10

COMPANION™ Hånd Sãnizer

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

Phần 1. Nhận dạng hoá chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	COMPANION™ Hånd Sãnizer
Số Danh Mục	490909, 8078

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC35] Sản phẩm giặt và làm sạch (kể cả sản phẩm gốc dụng môi);
Hình thù	Máy sấy tay.

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

1.4 Điện thoại khẩn cấp

	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

Thông tin khác

	Sản xuất bởi: Neogen Corporation 717 E. Shawssee St. Lansing, MI 48912. Preserve International 944 Nandino Blvd. Lexington, KY 40511-1205 U.S.A. Preserve International là một công ty con thuộc sở hữu của Neogen Corporation.
--	--

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hoá chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Flam. Liq. 2: H225; Acute Tox. 4: H302; STOT SE 3: H336;
------------------------------------	--


COMPANION™ Hånd Sanițizer

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

2.2 Các yếu tố nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ	
Lời cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	Flâm. Liq. 2: H225 - Chất lỏng và hơi dễ cháy. Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt. STOT SE 3: H336 - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	P210 - Tránh xa sức nóng / tia lửa / lửa / bề mặt nóng. - Không hút thuốc. P261 - Tránh hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun. P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	P301+P312 - Nếu NUỐT: Gọi một trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. P303+P361+P353 - Nếu ON DA (hoặc tóc): Hủy bỏ / Cởi ngay lập tức tất cả quần áo bị ô nhiễm. Rửa sạch da bằng nước / vòi sen. P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. P330 - Súc miệng. P370+P378 - Trong trường hợp cháy: sử dụng Bột, Hóa chất khô, Carbon dioxide (CO2), phương tiện phù hợp với điều kiện xung quanh tuyệt chủng.
Các lưu ý phòng ngừa: Lưu trữ	P403+P233 - Lưu trữ trong một môi trường thông thoáng. Giữ bảo bì kín.
Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	P501 - Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia.

2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Chứa các tài liệu có thể có hại nếu hít phải.
-----------------------------	---

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.2 Hỗn hợp

EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Isopropanol	603-117-00-0	67-63-0	200-661-7		1 - 10%	Flâm. Liq. 2: H225; Eye Irrit. 2: H319; STOT SE 3: H336;
Ethanol	603-002-00-5	64-17-5	200-578-6		60 - 70%	Flâm. Liq. 2: H225;

Hình thể

	Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về mọi nguy cơ được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	---

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sâu khi hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
-------------------	---

COMPANION™ Hånd Saniitizer

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây ra khô háy nứt da. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Rửa miệng thật kỹ. Không bảo giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sau khi hít phải:	Hít phải có thể gây ho, tức ngực và kích thích hệ hô hấp.
Sau khi tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cho da.
Nếu nuốt phải:	Có hại nếu nuốt. Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. NEU tiếp xúc hoặc liện quần: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Trong trường hợp hỏa hoạn, sử dụng Carbon đioxit (CO2), Bột, Hóa chất khô, Bột. Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

	Trong trường hợp hỏa hoạn và / hoặc nổ không hít khói. Vapor có thể di chuyển khoảng cách đáng kể đến nguồn đánh lửa và flash lại. Nhiệt sẽ tăng áp suất trong các thùng chứa kín.
--	--

5.3 Lợi khuyến dành cho lính cứu hỏa

	Chất lỏng dễ cháy và hơi. Trong trường hợp hỏa hoạn và / hoặc nổ không hít khói. Mặc bộ máy thở khép kín và quần áo bảo hộ.
--	---

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

	Chất lỏng dễ cháy. Áp dụng các cân nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tia lửa, ngọn lửa, nhiệt và nguồn đánh lửa. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sử dụng khi thích hợp: Thiết bị bảo vệ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
--	--

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

	Ngăn chặn sự cố tràn thềm nếu ăn toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đùng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	--

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

	Chất lỏng dễ cháy. Hấp thụ với vật liệu trơ, thấm nước. Dọn chỗ đổ. Chuyển đến container thích hợp, có nhãn đề xử lý. Vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó đến điểm thụ gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Làm sạch bằng chất tẩy rửa. Tránh dụng môi.
--	--

6.4 Xem các mục khác

	Xem phần 2, 8 & 13 để biết thêm thông tin.
--	--

Phần 7. Các lưu ý khi thảo tác và lưu trữ

COMPANION™ Hånd Sanițizer

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thảo tác an toàn với hoá chất

	<p>Áp dụng các cân nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ.</p> <p>Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.</p>
--	---

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

	<p>Chất lỏng dễ cháy và hơi. Tiếp xúc với chất dễ cháy có thể gây hoả hoạn. Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.</p>
--	--

7.3 Sử dụng cụ thể

	See Section 1.2 for further information.
--	--

Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn đề biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	--

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

8.1.1. Giá trị giới hạn phơi nhiễm

Ethanol	<p>Gìon hạn tiếp xúc cá nhân việc 1 (TWA): Nhóm độc tính theo IARC: 1</p>	Gìon hạn tiếp xúc ngắn (STEL): 3
---------	---	----------------------------------

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân	Sử dụng khi thích hợp: Thiết bị bảo vệ.
Bảo vệ mắt/mặt	Sử dụng khi thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.
Bảo vệ tay	Sử dụng khi thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào.
Thiết bị bảo hộ khác	Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp.
Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp	Tránh xa sức nóng / tia lửa / lửa / bề mặt nóng. - Không hút thuốc. Tránh xa các thực phẩm, đồ uống và thức ăn giả súc chất liệu. Cung cấp hoá chất tắm. Cung cấp trạm rửa mắt.

Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn đề biết thêm thông tin.
--	--

Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

COMPANION™ Hånd Sanițizer

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thể	Chất lỏng
Màu sắc	Thông thoáng/Không màu
Mùi đặc trưng	Còn
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	6.5 - 8.5
Điểm nóng chảy	Không có thông tin
Điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi/khoảng sôi	78 °C
Điểm chớp cháy/điểm	17 °C
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng được
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	0.8 - 1
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính oxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

9.2 Các dữ liệu khác

Nhóm khí	Không áp dụng được
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	≈ 65.9 %

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.2 Tính ổn định hoá học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

10.4 Các điều kiện cần tránh

	Tránh xa sức nóng / tia lửa / lửa / bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
--	---

10.5 Các vật liệu xung khắc

	Tiếp xúc với chất dễ cháy có thể gây hoả hoạn. Tránh xa Chất oxy hoá.
--	---

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

	Ôxít carbon.
--	--------------

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Ngộ độc cấp tính	Có hại nếu nuốt phải. Xem phần 3 để biết thêm thông tin.
------------------	--

COMPANION™ Hånd Sanițizer

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Ăn mòn / kích ứng da	Có thể gây kích ứng cho da.
Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Nhạy cảm	Có thể gây phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
Biến đổi tế bào gốc	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
Độc tính gây ung thư	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoả Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Được liệt kê bởi Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) dưới dạng Chất nhóm 3: bằng chứng không hỗ trợ chất này là chất gây ung thư ở người, [Isopropanol (2-Propanol), CAS No. 67-63-0]. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
Độc tính đối với sinh sản	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ	Có thể gây chóng mặt và đau đầu. Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần	Các thành phần có thể gây tổn hại cho các bộ phận cơ thể người dựa trên dữ liệu động vật.
Nguy cơ hô hấp	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây ra khô háy nứt da. Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

11.1.2. Hỗn hợp

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

11.1.3. Thông tin nguy hiểm

	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
--	---

11.1.4. Thông tin độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

11.1.5. Nhóm sự cố

	Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.6. Tiêu chí phân loại

	Dựa trên các cân nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
--	--

11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

	Sâu khì tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sâu khì hít phải. Nếu nuốt phải.
--	--

11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.10. Hiệu ứng tương tác

--	--

COMPANION™ Hånd Såriziter

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

11.1.10. Hiệu ứng tương tác

Không có thông tin.

11.1.11. Thiểu dữ liệu cụ thể

<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.

11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

11.1.13. Thông tin khác

Không có thông tin.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Không có thông tin

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tin.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho các chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ như chất thải đặc biệt tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia.

Phương pháp xử lý

Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.

Xử lý bảo bì

Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này.
Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



14.1 Số UN

UN1170

COMPANION™ Hånd Saniitizer

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

14.2 Tên vận chuyển thích hợp

	ETHANOL SOLUTION
--	------------------

14.3 Hạng

ADR/RID	3
Rủi ro phụ	-
IMDG	3
Rủi ro phụ	-
IATA	3
Rủi ro phụ	-

14.4 Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói	II
---------------	----

14.5 môi trường độc hại

Mối nguy hiểm môi trường	No
ô nhiễm môi trường biển	No

ADR/RID

ID nguy hiểm	33
Mã giới hạn đối với vận chuyển quá đường hầm	(D/E)

IMDG

EmS	F-E S-D
-----	---------

IATA

Hướng dẫn đóng gói (chờ hàng)	364
Số lượng tối đa	60 L
Hướng dẫn đóng gói (Hành khách)	353
Số lượng tối đa	5 L

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:	<p>- Quốc tế--.</p> <p>Công ước Basel (Chất thải nguy hại): H3.</p> <p>Công ước vũ khí hóa học (OPCW): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Thỏa thuận Mercosur: Không áp dụng được.</p> <p>Nghị định thư Montréal: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Công ước Rotterdam: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Công ước Stockholm: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>--Asiã và các quốc gia ASEAN--.</p> <p>Danh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): [2568, Ethanol (ethyl alcohol), CAS No. 64-17-5], [111, Isopropanol (2-Propanol), CAS No. 67-63-0].</p> <p>Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ</p>

COMPANION™ Hånd Saniitizer

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

hải của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Cưng cấp, Phân phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Vật liệu độc hại có thể sử dụng, [Ethanol (ethyl alcohol), CAS No. 64-17-5].

Lệnh kiểm soát ô nhiễm không khí (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Lệnh kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): Đánh giá ưu tiên, (sức khỏe con người), [102, Isopropanol (2-Propanol), CAS No. 67-63-0].

Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Yêu cầu ghi nhãn / thông báo, Chất nguy hiểm, Dễ cháy, Dụng cụ hữu cơ hạng hai, v.v., [Ethanol (ethyl alcohol), CAS No. 64-17-5], [Isopropanol (2-Propanol), CAS No. 67-63-0]. Kiểm soát hành chính, reg. Không. [300, Isopropanol (2-Propanol), CAS No. 67-63-0].

Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Đạo luật đối phó ô nhiễm đất (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Lệnh kiểm soát ô nhiễm nước (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Lịch trình tiếp xúc I, Quy định lớp, [Ethanol (ethyl alcohol), CAS No. 64-17-5], [Isopropanol (2-Propanol), CAS No. 67-63-0].

Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Lệnh Hóa chất (Việt Nam): Nghị định 113/2017/NĐ-CP: danh sách hóa chất phải khai báo bắt buộc, Nghị định 113/2017/NĐ-CP: danh sách hóa chất đối với sản xuất và kinh doanh công nghiệp có điều kiện, [Ethanol (ethyl alcohol), CAS No. 64-17-5].

--Úc và New Zealand--.

Mã hàng nguy hiểm của Úc: Class 3.

Kiểm kê các chất hóa học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Tồn kho hóa chất New Zealand (NZIOC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.

Phụ lục XVII cho REACH: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): Không áp dụng được.

Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

--Bắc Mỹ--.

Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Isopropanol.

Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Ethyl alcohol, Isopropyl alcohol.

Quyền được biết của Pennsylvania: Ethanol, 2-Propanol.

Lệnh chung về quyền được biết của Rhode Island: Ethyl alcohol, Isopropyl alcohol.

COMPANION™ Hånd Saniitizer

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-23

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Dự luật 65 của California: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Phần 16. Các thông tin khác

Các thông tin khác

Phiên bản	Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau: 2 - Hình đồ cảnh báo nguy cơ. 2 - Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó.
Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn	ACGIH: Hội nghị vệ sinh công nghiệp chính phủ Hoa Kỳ. ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR). CAS số: Dịch vụ tóm tắt hóa học. LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hóa chất độc hại 2013 (Malaysia). FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hoa Kỳ. GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu. HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012). IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế. ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế. IMDG: Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế. LC: Nồng độ tử vong. LD: Liều gây tử vong. OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ. PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép. REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hóa chất. SVHC: Chất gây lo ngại rất cao. Liên hợp quốc. DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ. VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. WEL: Giới hạn tiếp xúc nơi làm việc.
Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.	Flam. Liq. 2: H225 - Chất lỏng và hơi dễ cháy. Eye Irrit. 2: H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. STOT SE 3: H336 - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
Nội dung tối đa của VOC	65.9 %.

Thông tin khác

TUYÊN BỐ TỪ CHỐI: Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng.

Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, REX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.